

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2017/DSPT

Ngày: 13 - 7 - 2017

V/v: “Tranh chấp di sản thừa kế”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lộc.

Các Thẩm phán: Ông Vương Minh Tâm.

Ông Triệu Quốc Hiếu.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thành – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2017/TLPT-DS, ngày 03 tháng 02 năm 2017, về Tranh chấp di sản thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 84/2016/DS - ST, ngày 14 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân thành phố K bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 166/2017/QĐ-PT ngày 26/6/2017 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Nguyễn Văn H, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Khóm I, phường L, thành phố K, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Ngọc S - Văn phòng luật sư N, thuộc đoàn luật sư thành phố M.

2/ Bị đơn:

1- Bà Nguyễn Thị Đ, sinh 1977.

Địa chỉ: Khóm T, phường N, thành phố K, tỉnh Vĩnh Long.

2 - Bà Nguyễn Ngọc Y, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Khóm T, phường N, thành phố K, tỉnh Vĩnh Long.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn H là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 23/9/2013, đơn khởi kiện bổ sung, tờ trình bổ sung đơn khởi kiện ngày 21/9/2015, cùng các lời trình bày tiếp theo của nguyên đơn trong các phiên hòa giải tại tòa án như sau: Ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị Kim H (chết ngày 06/8/2011) là vợ chồng, ông và bà H có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Y và Nguyễn Thị Đ. Khi bà H còn sống ông và bà H có tạo lập được khối tài sản chung gồm thửa đất số 148 - tờ bản đồ số 12 tọa lạc khóm 2, phường 3, thành phố Vĩnh Long và căn nhà tường cấp 4 xây dựng trên đất.

Sau khi bà H chết, ông và các con thống nhất bán 01 phần diện tích 152m² đất chiết thửa 148 cho ông Nguyễn Quốc N, diện tích còn lại đăng ký quyền sử dụng đất 02 thửa 904 trên đất có căn nhà cấp 4 và thửa 905 – tờ bản đồ số 12 cho hộ ông H (thành viên hộ là Nguyễn Ngọc Y và Nguyễn Thị Đ) được Ủy ban nhân dân thành phố K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/4/2012.

Ngày 09/5/2012 ông H cùng chị Đ ký tặng cho thửa đất 905 - tờ bản đồ số 12 cho Nguyễn Ngọc Y để Y cất nhà ở riêng với chồng (Lê Đình V).

Số tiền bán đất cho ông N, sau khi trừ các chi phí thủ tục còn lại 300.000.000 đồng. Số tiền này ông đã gửi Y giữ 180.000.000 đồng và gửi Đ giữ 120.000.000 đồng.

Do hai người con là Y và Đ bất kính. Nên ông H khởi kiện yêu cầu chia thừa kế là tài sản của ông với bà H là căn nhà và thửa đất 148 nêu trên, do bà H chết không để lại di chúc. Cụ thể yêu cầu chia 300.000.000 đồng đã bán đất và 02 thửa đất 904, trên đất có nhà và thửa 905 – tờ bản đồ số 12 như sau:

- Số tiền 300.000.000 đồng bán đất. Trong đó 50% là tài sản riêng của ông, chỉ chia 50% còn lại là di sản thừa kế do bà H chết để lại nên ông được 150.000.000 đồng và 1/3 trên 150.000.000 đồng phải chia. Tổng cộng ông được 200.000.000 đồng, Y và Đ mỗi người hưởng 50.000.000 đồng. Do Y đang giữ 180.000.000 đồng và Đ giữ 120.000.000 đồng, nên Y trả lại 130.000.000 đồng và Đ trả cho ông 70.000.000 đồng.

- Đối với căn nhà và 02 thửa đất 904 và 905. Trong đó 50% là tài sản riêng của ông, chỉ chia 50% còn lại là di sản thừa kế do bà H chết để lại ông và Y, Đ mỗi người 1/3.

Bị đơn Nguyễn Ngọc Y và Nguyễn Thị Đ xác định: Chị Y với chị Đ là chị em ruột, là con của ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị Kim H (chết năm 2011), theo ông H khai tài sản nêu trên là đúng của cha, mẹ là ông H và bà H tạo lập, bà H chết không để lại di chúc, thống nhất đây là di sản để chia thừa kế.

Qua khởi kiện của ông H bị đơn có ý kiến như sau:

- Chị Y cho rằng không có nhận giữ số tiền ông H bán đất gửi nên không đồng ý trả lại cho ông H; đối với thửa đất 905 - tờ bản đồ 12 cha và em là Đ đã ký tặng cho và chị đã cất nhà trên đất nên không đồng ý chia.

Đối với thửa đất 904 - tờ bản đồ số 12, trên đất có nhà. Chị có đơn yêu cầu phản tố đề nghị chia cho chị 68m² đất, khi được chia đề nghị cho lại em là Đ để Diệp sở hữu sử dụng. Phần còn lại và nhà giao cho cha là ông H.

- Chị Đ cho rằng không có nhận giữ số tiền ông H bán đất gởi nên không đồng ý trả lại cho ông H; đối với thửa đất 905 - tờ bản đồ 12 cha và chị đã ký tặng cho chị Y và chị Y đã cất nhà trên đất nên không yêu cầu chị Y trả lại để chia theo yêu cầu ông H.

Đối với thửa đất 904 - tờ bản đồ số 12, trên đất có nhà. Chị có đơn yêu cầu phản tố đề nghị chia cho chị 60m² đất, Phần còn lại và nhà giao cho cha là ông H.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 84/2016/DSST ngày 14/12/2016 của Tòa án nhân dân thành phố K đã xử:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 161, 165, 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 245, 645, 674, 676, 685, 688, 733 Bộ luật dân sự năm 2005 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

Tuyên xử:

1/ Về nội dung:

- Đình chỉ yêu cầu giải quyết tranh chấp thửa đất 905 - tờ bản đồ 12 tọa lạc khóm N, phường M, thành phố K của nguyên đơn.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H; Chấp nhận yêu cầu phản tố của các bị đơn chị Nguyễn Ngọc Y và Nguyễn Thị Đ và công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự:

+ Công nhận chia theo thỏa thuận, giao cho chị Nguyễn Thị Đ sở hữu sử dụng 81,4m² đất trồng cây lâu năm chiết thửa 904-2 và chiết thửa 904-3 tờ bản đồ 12, địa chỉ khu đất khóm N, phường M, thành phố K, trên đất có 24,12m² diện tích căn nhà tường cấp 4 khung bê tông cốt thép, mái tol không trần, nền gạch men (theo thỏa thuận chia căn nhà Số 63/3, khóm N, phường M, thành phố K, tỉnh Vĩnh Long, chị Đ đã ngăn vách riêng với phần nhà giao cho ông H).

+ Công nhận chia theo thỏa thuận, giao cho ông Nguyễn Văn H sở hữu sử dụng 191,3m² đất (trong đó có 96,7m² đất ở đô thị, còn lại đất trồng cây lâu năm) chiết thửa 904-1 tờ bản đồ 12, địa chỉ khu đất khóm N, phường M, thành phố K, trên đất có 73,88m² diện tích căn nhà tường cấp 4 khung bê tông cốt thép, mái tol không trần, nền gạch men (theo thỏa thuận chia căn nhà Số 63/3, khóm N, phường M, thành phố K, tỉnh Vĩnh Long, chị Đ đã ngăn vách riêng với phần nhà giao cho ông H).

Vị trí, hình thể kích thước các chiết thửa 904-1, 904-2 và 904-3 theo trích đo bản đồ địa chính khu đất được đo vẽ ngày 20/01/2016 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố K.

Nguyên đơn và bị đơn có nghĩa vụ liên hệ cơ quan chức năng có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định pháp luật.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Hòai chị Y giao lại 180.000.000đồng và chị Đ giao lại 120.000.000đồng để chia thừa kế.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên phần án phí, cho phí đo đạc, định giá tài sản và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 18/12/2016 ông Nguyễn Văn H là nguyên đơn có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét:

1/ Giảm án phí,

2/ Chấp nhận thừa kế số bạc 300.000.000đ mà Nguyễn Ngọc Y và Nguyễn Thị Đ đang giữ. Buộc Nguyễn Ngọc Y trả lại cho tôi 130.000.000đ và Nguyễn Thị Đ trả lại cho tôi 70.000.000đ.

3/ Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giúp chúng tôi chứng cứ mà Nguyễn Thị Đ gửi tại Ngân hàng đầu tư phát triển S số tiền 100.000.000đ vào tháng 12/2011.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Văn H tự nguyện rút một phần đơn khởi kiện về yêu cầu chia thừa kế phần 300.000.000đ mà ông cho rằng chị Y và chị Đ đang giữ. Giữ nguyên phần xin xem xét giảm án phí cho ông.

Bà Nguyễn Ngọc Y và Nguyễn Thị Đ đồng ý việc rút một phần đơn khởi kiện của ông H.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn H phát biểu ý kiến: Tại phiên tòa ông H tự nguyện rút một phần đơn khởi kiện và một phần đơn kháng cáo, nên ông không có ý kiến gì.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý vụ án và Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm ông H đã rút yêu cầu kháng cáo về việc chia thừa kế số tiền 300 triệu đồng tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà ông cho rằng hiện nay chị Y đang giữ 180 triệu đồng và chị Đ đang giữ 120 triệu đồng; việc rút yêu cầu kháng cáo, yêu cầu khởi kiện của ông H là tự nguyện, không trái pháp luật, chị Y, chị Đ cũng đồng ý việc ông H rút yêu cầu kháng cáo, yêu cầu khởi kiện. Nên cần chấp nhận việc ông H rút yêu cầu kháng cáo, yêu cầu khởi kiện.

Xét thấy yêu cầu kháng cáo của ông H về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại phần án phí dân sự sơ thẩm mà ông phải nộp là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ: Ông H yêu cầu chia thừa kế đối với số tiền 300.000 đồng nhưng không có căn cứ để chấp nhận, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H, do vậy theo quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Trong trường hợp này ông H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông H nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 10.000.000 đ với yêu cầu chia thừa kế bị bác là không đúng quy định. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận việc ông H rút một phần yêu cầu khởi kiện, một phần yêu cầu kháng cáo phần yêu cầu chia thừa kế đối với số tiền 300 triệu

đồng. Hủy một phần án sơ thẩm và đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu chia thừa kế số tiền 300 triệu đồng mà ông H cho rằng chị Đ và chị Y đang quản lý.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H về phần án phí dân sự sơ thẩm mà ông phải nộp đối với số tiền yêu cầu chia thừa kế bị bác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Văn H rút lại một phần đơn khởi kiện về việc xin chia thừa kế phần di sản 300.000.000đ mà ông H cho rằng chị Đ và chị Y đang quản lý. Tại phiên tòa phúc thẩm chị Đ và chị Y đồng ý việc rút một phần đơn khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy việc rút một phần đơn khởi kiện của nguyên đơn và sự đồng ý của bị đơn về rút một phần đơn khởi kiện của nguyên đơn không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khác. Nên hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về yêu cầu chia thừa kế phần di sản 300.000.000đ mà ông H cho rằng hiện nay chị Đ và chị Y quản lý. Các phần khác của bản án về thỏa thuận chia thừa kế quyền sử dụng đất các đương sự không có kháng cáo đã có hiệu lực pháp luật.

[2] Đối với kháng cáo xin miễn giảm tiền án phí: Hội đồng xét xử xét thấy ông Nguyễn Văn H yêu cầu chia thừa kế số tiền 300.000.000đ, cấp sơ thẩm bác yêu cầu của ông H xin hưởng số tiền 200.000.000đ nhưng lại buộc ông H nộp 10.000.000đ tiền án phí là không đúng theo quy định của pháp luật, nên sửa án sơ thẩm ông H không phải nộp 10.000.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm bị bác yêu cầu chia thừa kế.

Từ những nhận định trên, chấp nhận một phần đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, sửa bản án sơ thẩm về án phí.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn H không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 và 311 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn H. Sửa một phần bản án số 84/2016/DSST ngày 14/12/2016 của Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh Vĩnh Long về án phí.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 161, 165, 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 245, 645, 674, 676, 685, 688, 733 Bộ luật dân sự năm 2005 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

Tuyên xử:

1/ Đình chỉ yêu cầu giải quyết tranh chấp thừa đất 905 - tờ bản đồ 12 tọa lạc khóm N, phường M, thành phố K, tỉnh Vĩnh Long của nguyên đơn.

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H; Chấp nhận yêu cầu phản tố của các bị đơn chị Nguyễn Ngọc Y và Nguyễn Thị Đ và công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự:

+ Công nhận chia theo thỏa thuận, giao cho chị Nguyễn Thị Đ sở hữu sử dụng 81,4m² đất trồng cây lâu năm chiết thửa 904-2 và chiết thửa 904-3 tờ bản đồ 12, địa chỉ khu đất khóm N, phường M, thành phố K, trên đất có 24,12m² diện tích căn nhà tường cấp 4 khung bê tông cốt thép, mái tol không trần, nền gạch men (theo thỏa thuận chia căn nhà Số 63/3, khóm N, phường M, thành phố K, tỉnh Vĩnh Long, chị Đ đã ngăn vách riêng với phần nhà giao cho ông H).

+ Công nhận chia theo thỏa thuận, giao cho ông Nguyễn Văn H sở hữu sử dụng 191,3m² đất (trong đó có 96,7m² đất ở đô thị, còn lại đất trồng cây lâu năm) chiết thửa 904-1 tờ bản đồ 12, địa chỉ khu đất khóm N, phường 3, thành phố K, trên đất có 73,88m² diện tích căn nhà tường cấp 4 khung bê tông cốt thép, mái tol không trần, nền gạch men (theo thỏa thuận chia căn nhà Số 63/3, khóm N, phường M, thành phố K, tỉnh Vĩnh Long chị Đ đã ngăn vách riêng với phần nhà giao cho ông H).

Vị trí, hình thể kích thước các chiết thửa 904-1, 904-2 và 904-3 theo trích đo bản đồ địa chính khu đất được đo vẽ ngày 20/01/2016 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố K.

Nguyên đơn và bị đơn có nghĩa vụ liên hệ cơ quan chức năng có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định pháp luật.

3/ Hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu chia thừa kế số tiền 300.000.000đ mà hiện nay ông H cho rằng chị Nguyễn Thị Đ và chị Nguyễn Ngọc Y đang quản lý.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Văn H phải nộp 8.988.797 đồng (tám triệu, chín trăm tám mươi tám ngàn, bảy trăm chín mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm về thỏa thuận chia tài sản thừa 904, nhưng được khấu trừ số tiền 6.745.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 016397 ngày 13/11/2013 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố K, nên ông H phải nộp tiếp 2.243.797đồng (hai triệu, hai trăm bốn mươi ba ngàn, bảy trăm chín mươi bảy đồng).

Buộc chị Nguyễn Thị Đ phải nộp 1.931.247đồng (một triệu, chín trăm ba mươi một ngàn, hai trăm bốn mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền 872.600đồng tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 023346 ngày 23/7/2015 và biên lai số 023135 ngày 14/4/2015 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố K. Nên chị Đ phải nộp thêm 1.058.647đồng (một triệu, không trăm năm mươi tám ngàn, sáu trăm bốn mươi bảy đồng).

Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Ngọc Y 979.000đồng (chín trăm bảy mươi chín ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 023133 ngày 14/4/2015 và biên lai thu 023347 ngày 23/7/2015 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố K.

5/ Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Nguyễn Văn H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Nguyễn Văn H 200.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0002213 ngày 22/12/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố K.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC: 01b;
- TNV: 01b;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 02b;
- TAND TP K: 01b;
- VKSND TP K: 01b;
- CCTHADS TP K:01b;
- Các đương sự: 03b;
- Lưu: 04b./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Lộc